

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **28/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 17-8-2018

Về việc ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Cúc

2. Bà Nguyễn Bích Diệp

- Thư ký Phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Vân – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia Phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Khuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 347/2018/TLST-HNGD ngày 01/6/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2018/QĐXX-ST ngày 06/8/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: *Chị Phạm Thị Trà M, sinh năm 1992; hộ khẩu thường trú: số 12 ngõ 624 MK (nay là số 634 MK), phường VT, quận HBT, thành phố Hà Nội; Nơi ở: số 38 TCV, phường PH, quận HBT, thành phố Hà Nội; Có mặt.*

2. Bị đơn: *Anh Nguyễn Hoàng S; sinh năm 1987; hộ khẩu thường trú: số 12 ngõ 624 MK (nay là số 634 MK), phường VT, quận HBT, thành phố Hà Nội; Hiện đang thi hành án tại Trại giam T; Xin vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn xin ly hôn ngày 02/5/2018, các Bản tự khai, Biên bản Phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, nguyên đơn là chị Phạm Thị Trà M trình bày:

[1] Chị và anh Nguyễn Hoàng S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 25/01/2011 tại Ủy ban nhân dân phường PH, quận HBT. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại số nhà 12, ngõ 624 MK (nay là số 634 MK), quận HBT, thành phố Hà Nội (là nhà của mẹ chồng chị). Vợ chồng chị

chung sống đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S không quan tâm đến gia đình mà thường xuyên chơi bời, nghiện ngập, đã từng hai lần bị Toà án xử về tội cướp giật tài sản vào năm 2012 và 2016. Sau khi ra tù năm 2014, anh S vẫn không thay đổi, không giúp đỡ vợ con mà tiếp tục phạm tội cướp giật và lại bị phạt tù từ năm 2016 đến nay. Nay chị thấy cuộc sống hôn nhân với anh S quá mệt mỏi, bế tắc và không có tương lai, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với anh S để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị M và anh Nguyễn Hoàng S có hai con chung là cháu Nguyễn Hoàng Yên N, sinh ngày 11/7/2010 và cháu Nguyễn Hoàng Đức P, sinh ngày 19/10/2015. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con do anh S hiện đang chấp hành án trong trại giam.

Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Theo chị M, anh chị không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị xác định chị và anh S không vay nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Bị đơn là anh Nguyễn Hoàng S hiện là phạm nhân đang chấp hành án phạt tù trong Trại giam T, huyện TH, Hà Nội. Tại bản tự khai ngày 11/7/2018 và tại Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 24/7/2018, anh S trình bày:

Về thời gian anh và chị M kết hôn đúng như chị M đã khai. Sau khi kết hôn, anh chị ở tại số nhà 12, ngõ 624 MK, quận HBT, thành phố Hà Nội. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2015 thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh nghi ngờ chị M có quan hệ với người đàn ông khác. Nay chị M xin ly hôn, quan điểm của anh là không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với chị M và muốn hai con sau này có cả bố cả mẹ.

Về con chung: anh S xác định anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Hoàng Yên N, sinh ngày 11/7/2010 và cháu Nguyễn Hoàng Đức P, sinh ngày 19/10/2015.

Về tài sản chung, nhà đất chung: Anh và chị M có mua một ngôi nhà tại đường TTD, quận HM, Hà Nội. Tuy Nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về vay nợ chung: Anh chị không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh S cũng trình bày do hiện nay anh đang chấp hành án trong Trại giam nên anh có đề nghị Toà án xét xử vắng mặt anh.

Tại Phiên toà:

Chị Phạm Thị Trà M trình bày: Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh Nền mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S chơi bời, nghiện ngập, không có trách Nệm với gia đình, đã đi tù nhiều năm nay, chị cảm thấy cuộc sống gia đình bế tắc, không có tương lai. Nên chị vẫn giữ yêu cầu được ly hôn anh S để yên tâm làm ăn và nuôi dạy các con. Về con chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng

hai cháu Nguyễn Hoàng Yên N, và cháu Nguyễn Hoàng Đức P. Anh S hiện đang ở trong trại giam, lại là người ham chơi, nghiện hút nên không thể có điều kiện nuôi dạy các con tốt được. Hiện chị đang có công việc và thu nhập ổn định, ngoài ra bố mẹ đẻ cũng hỗ trợ thêm cho chị, nên chị hoàn toàn có khả năng nuôi dạy tốt hai con. Về tài sản chung và vay nợ chung, chị và anh S không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia Phiên tòa phát biểu ý kiến:

** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền và thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký Phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

** Về việc giải quyết vụ án:*

- Về hôn nhân: Chị M và anh S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường PH năm 2011, do đó hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của chị M: Từ khi kết hôn, anh S không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình. Năm 2012 anh S đi tù đến năm 2014 về, năm 2016 lại tiếp tục đi tù cho đến nay, một mình chị M phải chăm sóc, nuôi dưỡng hai con. Như vậy, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, tốt đẹp đã không thể thực hiện được. Nay chị M muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống là hợp lý, do đó nên chấp nhận yêu cầu của chị M.

Về con: Anh chị có hai con chung, hiện đang ở cùng với mẹ. Chị M có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung. Xét thấy, cháu P chưa đủ 36 tháng tuổi nên do chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu N 8 tuổi, có nguyện vọng được ở với mẹ. Chị M hiện có công việc và thu nhập ổn định hàng tháng (Chị M đã cung cấp cho Tòa án bảng lương từ tháng 01/2018 đến tháng 7/2018), bản thân anh S hiện đang chấp hành án phạt tù. Do đó việc giao cả cháu N và cháu P cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý, đảm bảo được sự phát triển về thể chất và tinh thần cho các cháu.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M, chị M được ly hôn với anh S.

Về con chung: Giao cả hai con chung cho chị M nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh S.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị M phải chịu án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại Phòng tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Ngày 27/6/2017, chị Phạm Thị Trà M có Đơn xin ly hôn đối với anh Nguyễn Hoàng S, cư trú tại số 634 MK, phường VT, quận HBT, thành phố Hà Nội. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, việc Tòa án nhân dân quận HBT thụ lý vụ án tranh chấp ly hôn giữa chị Phạm Thị Trà M và bị đơn là anh Nguyễn Hoàng S là đúng thẩm quyền.

Bị đơn là anh Nguyễn Hoàng S hiện là phạm nhân đang chấp hành án phạt tù tại Đội X, Phân trại số Y - Trại giam T, huyện TH, thành phố Hà Nội. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh S. Anh S đã có bản tự khai trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị M, đồng thời đề nghị được gặp mặt hoà giải với chị M. Tòa án đã tiến hành Phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải trong Trại giam T để anh S có điều kiện thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tại biên bản hoà giải, anh S có quan điểm do anh đang chấp hành án trong Trại giam nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

[2] *Về hôn nhân, thấy:* Chị Phạm Thị Trà M và anh Nguyễn Hoàng S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 25/01/2011 tại Ủy ban nhân dân phường PH, quận HBT, thành phố Hà Nội, nên hôn nhân giữa chị M và anh S là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu của chị M về việc muốn được ly hôn anh S thấy: hiện nay, anh S vẫn đang chấp hành án tại Trại giam T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh qua chính quyền địa phương nơi chị M và anh S chung sống và có hộ khẩu thường trú thì được cung cấp: quá trình chung sống, anh chị có Nều lần va chạm, to tiếng, bức xúc về hạnh phúc gia đình. Anh S đi tù nhiều năm nay, chị M một mình nuôi hai con nhỏ, không được dựa vào chồng. Anh S là người nghiện ngập, chơi bời, không thực hiện được vai trò trụ cột của người chồng, người cha trong gia đình. Tại Bản tự khai ngày 11/7/2018, anh S cũng xác định hai vợ chồng anh có mâu thuẫn, nguyên nhân do anh nghi ngờ chị M có quan hệ với người đàn ông khác.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định: Từ khi kết hôn, anh S không quan tâm chăm sóc đến gia đình, không tu chí làm ăn, đã đi tù nhiều năm nay, hiện nay vẫn đang chấp hành án trong trại giam. Chị M phải một mình nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai con nhỏ. Nghĩa vụ vợ chồng không được thực hiện theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân gia đình là thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Mặc dù quá trình giải quyết vụ án, anh S có quan điểm không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với chị M, tuy nhiên xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M, giải quyết cho M được ly hôn anh S.

[3] *Về con chung*: Chị Phạm Thị Trà M và anh Nguyễn Hoàng S có hai con chung là cháu Nguyễn Hoàng Yên N, sinh ngày 11/7/2010 và cháu Nguyễn Hoàng Đức P, sinh ngày 19/10/2015. Cả hai cháu hiện sức khỏe bình thường và đang ở với chị M. Chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu. Tính đến thời điểm xét xử, cháu Nguyễn Hoàng Đức P dưới 36 tháng tuổi, nên được giao cho chị M nuôi dưỡng. Cháu N 8 tuổi, có nguyện vọng được ở với mẹ cháu khi bố mẹ cháu ly hôn. Xét thấy, chị M hiện đang là nhân viên kế toán tại Công ty Thương mại VC – số 27A NHT, quận T, Hà Nội, có thu nhập ổn định (chị M đã cung cấp cho Tòa án bảng lương từ tháng 01/2018 đến tháng 7/2018), còn anh S hiện vẫn đang chấp hành án phạt tù trong trại giam, nên việc giao cháu N và cháu P cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý, sẽ bảo đảm được quyền lợi về mọi mặt của các cháu. Do đó căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án giao cháu Nguyễn Hoàng Yên N và cháu Nguyễn Hoàng Đức P cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 08/2018 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh S đang chấp hành án trong trại giam, nên Tòa án tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh S cho đến khi chị M có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

[4] *Về tài sản chung (bao gồm động sản và bất động sản)*: Tại Bản tự khai anh S có trình bày anh chị có mua một ngôi nhà, địa chỉ đường TTĐ, quận HM, Hà Nội, nhưng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại Pên toà, Chị M trình bày căn nhà này thuộc diện giải phóng mặt bằng, gia đình anh S đã làm thủ tục nhận đền bù xong, nay căn nhà cũng không còn trên thực tế và chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các tài sản khác chị xác định anh chị không có và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] *Về vay nợ chung*: Chị M và anh S đều xác định anh chị không có vay nợ chung và chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6] *Về án phí*: chị M là nguyên đơn, phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Trà M đối với anh Nguyễn Hoàng S. Chị Phạm Thị Trà M được ly hôn anh Nguyễn Hoàng S.

2. Về con chung:

- Chị Phạm Thị Trà M và anh Nguyễn Hoàng S có hai con chung là cháu Nguyễn Hoàng Yến N, sinh ngày 11/7/2010 và cháu Nguyễn Hoàng Đức P, sinh ngày 19/10/2015.

- Giao cháu Nguyễn Hoàng Yến N và cháu Nguyễn Hoàng Đức P cho chị Phạm Thị Trà M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 08 năm 2018 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

- Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Nguyễn Hoàng S cho đến khi chị Phạm Thị Trà M có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

- Anh Nguyễn Hoàng S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà đất chung và vay nợ chung: Chị Phạm Thị Trà M không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Trà M phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0003879 ngày 24/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt chị M, vắng mặt anh S. Chị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

*** Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND quận Hai Bà Trưng
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng
- UBND phường PH
- (số 16, quyền số 01/2011);

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Phương Thủy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

